

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2018/HSST
Ngày 24/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng và ông Nguyễn Xuân

Khải;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Cán bộ Toà án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Ngày 24/01/2018 , tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 28/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/HSST - QĐ ngày 08/01/2018 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/TB - TA ngày 11/01/2018 đối với bị cáo:

Vũ Duy T, sinh năm 1986;

Tên gọi khác : Không ;

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ văn hóa: 7/ 12; Nghề nghiệp: Không ;

Con ông Vũ Duy Q (Đã chết) và bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1947;

Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008;

Gia đình có 7 chị em, bị cáo là thứ 7;

Tiền sự: Không;

Tiền án: + Ngày 27/02/2014, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

+ Ngày 08/04/ 2014, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hưng Yên xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Ngày 29/06/2016, Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc; chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2016;

Nhân thân: Ngày 08/05/ 2007, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 1 năm 6 tháng về tội Trộm cắp tài sản;

Tạm giam từ ngày 17/08/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người bị hại: Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1994; trú tại: Thôn P, xã Vĩnh H, huyện B, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Tranh Ngoài, xã Thúc Kháng, huyện B, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1947; trú tại: Thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên (là mẹ của bị cáo); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 10/6/2017, Vũ Duy T thuê xe taxi của anh Vũ Xuân Q chở T đi từ thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương đến một số địa điểm ở thị trấn K, sau đó đi về xã Minh Đức, huyện M rồi đi về nhà T. Trên đường đi T hỏi mượn điện thoại của anh Q để gọi cho anh Vũ Duy Tha (là anh trai của T) hỏi vay tiền nhưng anh Tha không đồng ý. Khi về đến cổng nhà T, lúc này khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Q yêu cầu T trả tiền cước xe taxi hết 301.000 đồng. Do không có tiền trả nên T nảy sinh ý định bảo anh Quý vào trong nhà T để đe dọa anh Q nhằm chiếm đoạt tiền cước xe, đồng thời sẽ chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh Q. Khi anh Q vào đến cửa nhà T thì T dùng chân đạp vào chiếc tủ làm vỡ tấm kính, mục đích để cho anh Q sợ, sau đó T bảo anh Q ngồi xuống bàn uống nước, T lấy ở dưới gầm bàn ra 01 con dao rựa dài 39cm (chuôi dao và lưỡi dao bằng kim loại) bản rộng nhất 5cm giơ về phía anh Q và nói “mày cho tao mượn điện thoại tao gọi nốt một cuộc” anh Q nói “má em hết tiền không gọi được” T tiếp tục giơ dao về phía anh Q, anh Q sợ và nói “anh đọc số để em bấm, xong anh gọi” nhưng T không đồng ý và bắt anh Q hướng dẫn mở mặt khẩu màn hình điện thoại, sau khi biết được mặt khẩu màn hình điện thoại, T để điện thoại xuống bàn rồi tiếp tục giơ dao về phía anh Q nói “Anh tên là T, đã có tiền án, tiền sự, thứ nhất chú chém anh, thứ hai là anh chém chú, chú chọn như thế nào” sau đó T đặt dao xuống bàn. Anh Q sợ định đứng lên đi về thì T giơ dao lên đe dọa “Mày mà bước ra khỏi cửa nhà là tao chém mày chết” anh

Q sợ hãi không dám đi về, T tiếp tục đập vỡ chiếc cốc thủy tinh, tiếp đó T lấy ở trong tủ ra 01 con dao lam, bẻ làm đôi rồi dùng dao lam tự cứa nhiều nhát vào cổ T làm cổ T chảy máu với mục đích để cho anh Q sợ. Thấy vậy anh Q sợ hãi cầm chiếc điện thoại ở bàn rồi đứng dậy đi ra đến cửa nhà T thì T đuổi theo tay trái giật chiếc điện thoại của anh Q, tay phải giơ dao về phía anh Q đe dọa “Mày biến ngay không tao chém mày chết”. Anh Q sợ hãi đi về và đến Công an xã N và Công an huyện M trình báo, đồng thời giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong có 01 chiếc thẻ hội viên người cao tuổi Việt Nam mang tên bà Phạm Thị Ng là mẹ đẻ của T do T làm rơi trong xe ô tô của anh Q.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh Q, trên đường đi bán điện thoại T đã tháo chiếc sim trong máy điện thoại và tháo chiếc ốp điện thoại bằng nhựa trong ốp điện thoại có một tờ tiền mệnh giá 1000 đồng rồi ném ở địa đường, sau đó mang chiếc điện thoại nói trên đến bán cho anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương lấy 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/07/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M đã kết luận: Giá trị còn lại của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F1S vỏ máy màu H trị giá 4.792.000 đồng; còn chiếc ốp điện thoại do không có nhãn hiệu nên Hội đồng định giá không định giá.

Ngày 17/08/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã triệu tập T đến làm việc. Tại cơ quan điều tra T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 con dao rựa dài 39cm (chuôi dao và lưỡi dao bằng kim loại) bản rộng nhất 5cm mà T dùng để đe dọa chiếm đoạt tài sản của anh Q. Còn chiếc sim điện thoại, chiếc ốp điện thoại và số tiền 1.000 đồng, T ném ở địa đường không xác định được địa điểm nên cơ quan điều tra không quản lý được.

Sau khi biết chiếc điện thoại T bán là do phạm tội mà có, anh Th đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện M, đến nay anh Th không yêu cầu T phải trả số tiền 2.000.000 đồng anh Th đã mua chiếc điện thoại nói trên.

Ngày 24/08/2017 anh Q có đơn xin lại tài sản, ngày 10/09/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại anh Q chiếc điện thoại di động nói trên, anh Q nhận lại điện thoại không yêu cầu T bồi thường chi phí làm lại sim điện thoại, chiếc ốp điện thoại và số tiền 1.000 đồng nhưng anh Q yêu cầu T bồi thường số tiền cước taxi là 301.000 đồng. Còn đối với chiếc ví giả da màu nâu của bị can và chiếc thẻ hội viên người cao tuổi của bà Ng, đến nay bị can T và bà Ng không có nhu cầu nhận lại.

Quá trình điều tra, Vũ Duy T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 55/QĐ - VKS - HS ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Vũ Duy T về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 BLHS.

Tại phiên toà:

+ Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng, nhất trí bồi thường tiền cước taxi là 301.000 đồng cho anh Q, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ng không yêu cầu nhận lại chiếc thẻ hội viên của bà;

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; điểm a, b khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Duy T từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/8/2017;

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Duy T phải bồi thường cho anh Vũ Xuân Q số tiền cước taxi là 301.000 đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Vật chứng: Truy thu của bị cáo Vũ Duy T số tiền 2.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước; Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 con dao dài 39 cm, 01 chiếc thẻ hội viên người cao tuổi mang tên bà Phạm Thị Ng;

Án phí: Bị cáo Vũ Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với lời khai của người bị hại là anh Vũ Xuân Q, vật chứng đã thu giữ là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F1S và con dao rựa do T tự nguyện giao nộp, Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định:

Chiều ngày 10/6/2017, Vũ Duy T thuê xe taxi của anh Vũ Xuân Q từ thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương để chở T đến một số địa điểm, rồi đi về nhà T. Trên đường về nhà, do biết không đủ tiền để thanh T tiền cước nên T đã hỏi mượn điện thoại của anh Q để hỏi vay tiền của anh trai là anh Vũ Duy Tha nhưng không được. Khi về đến nhà, lúc này khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Q yêu cầu T thanh T tiền cước là 301.000.000 đồng. T bảo anh Q vào nhà. Tại đây, T đã dùng chân đạp vỡ kính tủ, lấy dao ở dưới gầm bàn uống nước giờ về phía anh Q để buộc anh Q phải đưa điện thoại và hướng dẫn T mở mật khẩu, tiếp theo T đập vỡ chiếc cốc thủy tinh, lấy dao lam từ cửa vào cổ của mình; anh Q thấy vậy cầm chiếc điện thoại ở bàn rồi đứng dậy đi ra đến cửa thì T đuổi theo dùng tay trái giật chiếc điện thoại, còn tay phải giờ dao dọa anh Q phải ra khỏi nhà nếu không T chém chết. Sau đó T đem bán chiếc điện thoại này lấy 2.000.000 đồng rồi bỏ nhà đi lang thang đến ngày 17/8/2017 thì bị bắt giữ. Hành vi giờ dao dọa chém sau khi giật chiếc điện thoại của anh Q cùng các hành vi trước đó của T tự đập phá tài sản, dùng dao uy hiếp tinh thần của anh Q, tự gây thương tích cho bản thân diễn ra ngay trong nhà của T đã đe dọa ý chí chống cự của anh Q, khiến cho anh Q sợ hãi, không dám lấy lại tài sản từ T chiếc điện thoại cùng tiền cước taxi là các tài sản hợp pháp của mình. Các hành vi nêu trên của T để chiếm đoạt tài sản của anh Q đã thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Cướp tài sản.

Vũ Duy T sử dụng dao có đặc điểm là cả chuôi và lưỡi dao bằng kim loại, chiều dài 39 cm, bản rộng nhất 5 cm để uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Q được xác định là T sử dụng phương tiện nguy hiểm để phạm tội; đồng thời tại bản án số 88/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội đã xác định T phạm tội Đánh bạc thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xoá án tích, nay T lại cố ý phạm tội Cướp tài sản nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS thì lần phạm tội này của T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Vũ Duy T về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm tới quyền sở hữu, quyền nhân thân của anh Q, mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân sinh sống tại địa phương, bị người dân lên án mạnh mẽ. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử trong đó phần nhiều là về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm, tạo lập công việc ổn định, phấn đấu trở thành người lao động có ích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất và mức độ nghiêm trọng, thủ đoạn quyết liệt hơn. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh và tiếp tục

cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thương tích cho người bị hại; trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập; đồng thời theo cung cấp của chính quyền địa phương thì bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Theo cung cấp của Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên M tại Hải Dương và sự thừa nhận của chính bị cáo thì tiền cước taxi bị cáo phải thanh T cho anh Q ngày 10/6/2017 là 301.000 đồng, do bị cáo không thanh T nên anh Q phải tự mình trả cho Công ty số tiền này, nay anh Q yêu cầu T phải bồi thường cho anh số tiền 301.000 đồng là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ tiền cước taxi cho anh Q, đây là sự tự nguyện của bị cáo nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Vật chứng: Con dao là công cụ được bị cáo sử dụng để uy hiếp tinh thần đối với anh Q, không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy;

Chiếc ví giả da của bị cáo và chiếc thẻ hội viên người cao tuổi của bà Phạm Thị Ng không liên quan tới hành vi phạm tội của T, nhưng cả bị cáo và bà Ng đều không yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy;

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại F1S, sau khi chiếm đoạt của anh Q, bị cáo đã bán cho anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1984; trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương được 2.000.000 đồng, do anh Th không yêu cầu T phải trả lại số tiền này, nên truy thu của bị cáo số tiền 2.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Duy T phạm tội Cướp tài sản;
2. Căn cứ: Điểm c, d khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; điểm a, b khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 BLHS 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Xử phạt: Bị cáo Vũ Duy T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/8/2017;

4. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Vũ Duy T có trách nhiệm bồi thường cho anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1994; trú tại thôn P, xã Vĩnh H, huyện B, tỉnh Hải Dương số tiền cước taxi là 301.000 (ba trăm lẻ một nghìn) đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

5. Vật chứng:

+ Truy thu của bị cáo Vũ Duy T số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

+ Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 con dao dài 39 cm, 01 chiếc thẻ hội viên người cao tuổi mang tên bà Phạm Thị Ng (Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 43/QĐ - KSĐT ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M);

6. Án phí: Bị cáo Vũ Duy T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm, đã báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tuấn Trọng

